

THÔNG BÁO

Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đại học, cao đẳng chính quy theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và đăng ký xét tuyển các phương thức tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2025

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-ĐHĐT ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 2901/KH-ĐHĐT ngày 22 tháng 05 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2025.

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (**ngưỡng đầu vào**) đại học, cao đẳng chính quy theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và đăng ký xét tuyển các phương thức tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2025 như sau:

1. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (ngưỡng đầu vào**) đại học, cao đẳng chính quy theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025**

Chi tiết ngưỡng đầu vào (NĐV) xem phụ lục I.

1.1. Đối với các ngành đào tạo giáo viên

- Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2025

đối với thí sinh ở khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi, không tính điểm cộng, không phân biệt kết quả thi của thí sinh học chương trình 2006 và 2018 như sau:

+ Các ngành đại học sư phạm có NDV từ **19** điểm trở lên (trừ các ngành Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật).

+ Các ngành Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có NDV từ **18** điểm trở lên đối với tổ hợp xét tuyển 3 môn văn hóa.

+ Cao đẳng Giáo dục Mầm non có NDV từ **16,5** điểm trở lên đối với tổ hợp xét tuyển 3 môn văn hóa.

- Riêng đối với các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non (*đối với tổ hợp môn M00, M05 có môn Năng khiếu GDMN*), ngành Giáo dục Thể chất (*môn Năng khiếu TDTT*), ngành Sư phạm Âm nhạc (*môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu*), ngành Sư phạm Mỹ thuật (*môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa*), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh có điểm Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức và có kết quả từ **6,0 điểm** trở lên.

1.2. Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên

Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh các ngành không thuộc nhóm đào tạo giáo viên trình độ đại học năm 2025 đối với thí sinh ở khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi như sau:

- Đạt NDV từ **15** điểm trở lên.

- Chi tiết NDV xem phụ lục I.

1.3. Cách tính ngưỡng đầu vào: là tổng điểm các môn thi (*thang điểm 10*) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (*Điều 7 của Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022*) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Thí sinh có tổng điểm từ NDV trở lên, xem như hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển.

- **Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo có tổ hợp xét tuyển không có môn năng khiếu**

NDV = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Môn 3) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

- **Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo có tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu**

+ Ngành Giáo dục Mầm non (cao đẳng, đại học):

NDV = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng) x 2/3

($NDV = TO + VA + UT \times 2/3$ theo tổ hợp M00; $NDV = VA + SU + UT \times 2/3$ theo tổ hợp M05)

+ Ngành Giáo dục Thể chất:

NDV = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng) x 2/3

($NDV = TO + SI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T00; $NDV = TO + VA + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T01;

$NDV = VA + SI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T02; $NDV = VA + DI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T03;
 $NDV = VA + GD CD + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T05; $NDV = TO + DI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T06;
 $NDV = VA + GD KKT \& PL + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T15)

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc:

$NDV = \text{Điểm môn 1} + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 1/3$

($NDV = VA + UT/3$ theo tổ hợp N00; $NDV = TO + UT/3$ theo tổ hợp N01)

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật:

$NDV = \text{Điểm môn 1} + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 1/3$

($NDV = VA + UT/3$ theo tổ hợp H00; $NDV = TO + UT/3$ theo tổ hợp H07)

- Cách tính ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo có tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu

+ Ngưỡng đầu vào Giáo dục Mầm non (hệ Đại học) ≥ 19 và có điểm môn năng khiếu $\geq 6,0$

➤ Tổ hợp M00: Toán + Văn + UT $\times 2/3 \geq 12,67$

➤ Tổ hợp M05: Văn + Sử + UT $\times 2/3 \geq 12,67$

+ Ngưỡng đầu vào Giáo dục Mầm non (hệ Cao đẳng) $\geq 16,5$ và có điểm môn năng khiếu $\geq 6,0$

➤ Tổ hợp M00: Toán + Văn + UT $\times 2/3 \geq 11$

➤ Tổ hợp M05: Văn + Sử + UT $\times 2/3 \geq 11$

+ Ngưỡng đầu vào Giáo dục Thể chất ≥ 18 và có điểm môn năng khiếu $\geq 6,0$

➤ Tổ hợp T00: Toán + Sinh + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T01: Toán + Văn + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T02: Văn + Sinh + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T03: Văn + Địa + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T05: Văn + GD CD + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T06: Toán + Địa + UT $\times 2/3 \geq 12$

➤ Tổ hợp T15: Văn + GD KT & PL + UT $\times 2/3 \geq 12$

+ Ngưỡng đầu vào Sư phạm Âm nhạc ≥ 18 và có điểm mỗi môn năng khiếu $\geq 6,0$

➤ Tổ hợp N00: Văn + UT ≥ 6

➤ Tổ hợp N01: Toán + UT ≥ 6

+ Ngưỡng đầu vào Sư phạm Mỹ thuật ≥ 18 và có điểm mỗi môn năng khiếu $\geq 6,0$

➤ Tổ hợp H00: Văn + UT ≥ 6

➤ Tổ hợp H07: Toán + UT ≥ 6

- Lưu ý: Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT.}$

2. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (*ngưỡng đầu vào*) đại học, cao đẳng chính quy 2025 đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào khi đăng ký xét tuyển

2.1. Phương thức 200: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**
 - + Có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy);
 - + Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định sau:
 - * Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;
 - * Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.
 - * Ngoài ra, đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm trung bình môn lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký đạt từ 18,0 trở lên.

2.2. Phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Nếu thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả các môn thi văn hóa không có môn nào có kết quả từ 1,0 (thang điểm 10) điểm trở xuống;
- Các đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy được quy định tại Điều 8 của Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022. Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng với các nội dung cụ thể sau:
 - Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế.

+ Học sinh giỏi (Toán, Lý, Hóa, Văn, Anh, Sinh, Tin, Sử, Địa), đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) ở các năm (2023, 2024, 2025). Xét tuyển thẳng các chương trình/ngành có môn trong tổ hợp xét tuyển trùng với môn đạt giải.

+ Đối với giải Cuộc thi thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế: Xem xét tuyển thẳng vào các chương trình/ngành đào tạo phù hợp.

- Xét tuyển thẳng thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận vào 02 ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật.

- Xét tuyển thẳng thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á vào 02 ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao.

2.3. Phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên:

+ Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

+ Xét tuyển trình độ CĐ sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

- Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2025 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu từ 600 trở lên (theo thang điểm 1200).

2.4. Phương thức 416: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên:

+ Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định sau:

* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

* Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHQG TP.HCM tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

* Ngoài ra, đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm của kỳ thi V-SAT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký đạt từ 225 điểm trở lên (theo thang điểm 450).

3. Quy tắc quy đổi điểm tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh (xem phụ lục 2).

4. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Tiêu chí phụ để xét tuyển, trúng tuyển:

+ Tiêu chí phụ chỉ áp dụng với thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng điểm chuẩn trúng tuyển, vì vậy nếu thí sinh có tổng điểm lớn hơn điểm chuẩn trúng tuyển thì không cần quan tâm đến tiêu chí phụ.

+ Có 2 tiêu chí phụ, sẽ ưu tiên lần lượt theo thứ tự: điểm môn chính cao hơn rồi mới xét đến thứ tự nguyện vọng.

- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.

- Nếu thí sinh xét Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ) vào các ngành đào tạo giáo viên thì phải có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy).

5. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số nguyện vọng và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (ưu tiên 01 là nguyện vọng cao nhất). Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Đối với mỗi thí sinh, tất cả các nguyện vọng đều được xét tuyển và chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng có ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành. Đây chính là điểm xét tuyển của thí sinh cuối cùng trong danh sách trúng tuyển và gọi là điểm chuẩn trúng tuyển của ngành.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyên vọng đối với đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

7. Mức thu học phí chính quy đại trà – hệ cao đẳng, đại học áp dụng đối với sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở về trước (Kèm theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐHDT ngày 31/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa (Khóa tuyển sinh năm 2025)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	
1	Khối ngành I: (Các ngành sư phạm) Giáo dục Mầm non (CD+ĐH); Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Công nghệ; Sư phạm Khoa học Tự nhiên; Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Miễn học phí hoặc đóng theo học phí theo năm học (nếu thí sinh không đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, đối với sinh viên học lại, học cải thiện)				
	Công nghệ Giáo dục	480	560	640	720	72.000
2	Khối ngành III: Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Quản lý công; Luật; Kinh doanh quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Quản trị Marketing	480	560	640	720	72.000

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa (Khóa tuyển sinh năm 2025)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	
3	Khối ngành IV: Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học	520	600	700	770	77.700
4	Khối ngành V: Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Thú y; Khoa học đất; Công nghệ kỹ thuật ô tô	560	650	750	840	84.000
5	Khối ngành VII: Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Tâm lý học Giáo dục; Địa lý học; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý Tài nguyên và môi trường; Quản lý kinh tế; Huấn luyện thể thao	520	600	700	770	77.700

8. Thông tin liên hệ

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến kết quả xét tuyển, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp để được giải đáp:

- Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp;
- Điện thoại: 0277.3882258 hoặc 0277.3995599;
- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn hoặc dhdt@dthu.edu.vn
- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị trong trường;
- <https://do.dthu.edu.vn/>;
- www.tuyensinh.dthu.edu.vn;
- Lưu: VT, BDCL, T.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

PHỤ LỤC I**Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (điểm sàn xét tuyển) đại học, cao đẳng chính quy theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025****1. Điểm sàn xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên**

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
1	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	30	16,5	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	
2	7140201	Giáo dục Mầm non	415	19	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	711	19	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
4	7140204	Giáo dục Công dân	33	19	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
5	7140205	Giáo dục Chính trị	20	19	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
6	7140206	Giáo dục Thể chất	108	18	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					T00	Toán, Sinh học, NK TĐTT	
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TĐTT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TĐTT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TĐTT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TĐTT	
					T06	Toán, Địa lí, NK TĐTT	
					T15	Ngữ văn, GD&ĐT, NK TĐTT	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
7	7140209	Sư phạm Toán học Có 02 chuyên ngành: - Chương trình đại trà - Chương trình toán tiếng Anh	100	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
8	7140210	Sư phạm Tin học	190	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
9	7140211	Sư phạm Vật lý	50	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
10	7140212	Sư phạm Hóa học	30	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp	
					X10	Toán, Hóa học, Tin học	
11	7140213	Sư phạm Sinh học	30	19	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					X16	Toán, Sinh học, Công nghệ NN	
					X14	Toán, Sinh học, Tin học	
12	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	19	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
13	7140218	Sư phạm Lịch sử	25	19	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
14	7140219	Sư phạm Địa lý	60	19	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
15	7140221	Sư phạm Âm nhạc	100	18	N00	Ngữ văn, Hát, Thảm âm-Tiết tấu	
					N01	Toán, Hát, Thảm âm-Tiết tấu	
16	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	100	18	H00	Ngữ văn, Trang trí, Hình họa	
					H07	Toán, Trang trí, Hình họa	
17	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	300	19	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
18	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	20	19	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Ngành mới tuyển năm 2025
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
					D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	
					D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung	
					D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung	
19	7140246	Sư phạm công nghệ	60	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
					X08	Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp	
20	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	200	19	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
21	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lí	100	19	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	

2. Điểm sàn xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
1	7140103	Công nghệ Giáo dục	37	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
2	7220201	Ngôn ngữ Anh Có 03 chuyên ngành: - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	264	15	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc Có 02 chuyên ngành: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	256	15	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
4	7229042	Quản lý văn hóa (Tổ chức sự kiện)	70	15	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
5	7310110	Quản lý kinh tế	38	15	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
6	7310403	Tâm lý học giáo dục	52	15	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
7	7310501	Địa lý học (Địa lý du lịch)	45	15	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
8	7310630	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	116	15	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	49	15	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngành mới tuyển năm 2025
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D66	Ngữ văn, GD&ĐT, Tiếng Anh	
					X78	Ngữ văn, GD&ĐT&PL, Tiếng Anh	
10	7340101	Quản trị kinh doanh Có 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	179	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
11	7340120	Kinh doanh quốc tế	49	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&CD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&CD&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
12	7340201	Tài chính - Ngân hàng Có 02 chuyên ngành: - Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp	139	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&CD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&CD&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
13	7340301	Kế toán Có 02 chuyên ngành: - Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	208	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&CD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&CD&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
14	7340403	Quản lý công	76	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&CD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&CD&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
15	7380101	Luật	113	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&CD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&CD&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
16	7420201	Công nghệ sinh học	72	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
17	7440301	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	46	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
18	7480101	Khoa học máy tính Có 02 chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	94	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
19	7480201	Công nghệ thông tin	191	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
20	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
21	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	55	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
22	7540101	Công nghệ thực phẩm	54	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
23	7580201	Kỹ thuật xây dựng	84	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
24	7620103	Khoa học đất (Công nghệ phân bón và sản xuất sạch)	36	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
25	7620109	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	51	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
26	7620301	Nuôi trồng thủy sản	93	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
27	7640101	Thú y	46	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	
28	7760101	Công tác xã hội	57	15	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	NDV	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
29	7810302	Huấn luyện thể thao	48	15	T00	Toán, Sinh học, NK TĐTT	Ngành mới tuyển năm 2025
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TĐTT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TĐTT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TĐTT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TĐTT	
					T06	Toán, Địa lí, NK TĐTT	
					T15	Ngữ văn, GDKT&PL, NK TĐTT	
30	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
31	7850103	Quản lý đất đai	80	15	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	

PHỤ LỤC II

Quy tắc quy đổi điểm trong tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp

Để xét tuyển cùng lúc các phương thức (Điểm thi tốt nghiệp THPT; Điểm Học bạ; Điểm V-SAT) đối với tất cả các nguyện vọng do thí sinh đăng ký xét tuyển trên Cổng tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Đồng Tháp áp dụng quy tắc quy đổi như sau:

1. QUY TẮC QUY ĐỔI ĐIỂM TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC PHƯƠNG THỨC

- Điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm các môn năng khiếu để bổ trợ xét tuyển trong các tổ hợp xét tuyển không thực hiện quy đổi.

- Điểm mỗi môn của phương thức xét điểm Học bạ (**HB**), phương thức xét điểm V-SAT (**VS**) được quy đổi tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo công thức nội suy tuyến tính như sau:

$$y = c_i + \left(\frac{x - a_i}{b_i - a_i} \right) \times (d_i - c_i)$$

Trong đó: x là điểm Học bạ (HB) hoặc là điểm V-SAT (VS) của thí sinh trong một khoảng phân vị i .

a_i, b_i là biên dưới và biên trên của khoảng phân vị theo điểm HB hoặc điểm VS thứ i với $a_i < x \leq b_i$.

y là điểm HB hoặc điểm VS quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT, kí hiệu điểm Học bạ quy đổi: HB_{QB}; điểm V-SAT quy đổi: VS_{QB}.

c_i, d_i là biên dưới và biên trên của khoảng phân vị điểm quy đổi theo điểm tốt nghiệp THPT thứ i với $c_i < y \leq d_i$.

Tương ứng với mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển theo phương thức điểm Học bạ hoặc phương thức điểm V-SAT sẽ có 1 bảng quy đổi điểm tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT riêng biệt, thể hiện các giá trị a_i, b_i, c_i, d_i tương ứng với mỗi khoảng phân vị thứ i . Bảng quy đổi điểm được xây dựng dựa trên kết quả phân tích và đối sánh tương ứng theo từng môn học giữa điểm học bạ hoặc điểm V-SAT với điểm thi tốt nghiệp THPT (áp dụng phương pháp phân tích bách phân vị: chia điểm của thí sinh thành các khoảng từ điểm cao đến thấp). Bảng quy đổi điểm mỗi môn học của từng phương thức có dạng tổng quát như sau:

Khoảng phân vị (tính theo top %)	Điểm Học bạ/V-SAT (x) $a_i < x \leq b_i$	Điểm quy đổi sang điểm TN THPT (y) $c_i < y \leq d_i$
Khoảng 1	$a_1 < x \leq b_1$	$c_1 < y \leq d_1$
Khoảng 2	$a_2 < x \leq b_2$	$c_2 < y \leq d_2$
Khoảng 3	$a_3 < x \leq b_3$	$c_3 < y \leq d_3$
...	...	...
Khoảng n	$a_n < x \leq b_n$	$c_n < y \leq d_n$

Trong bảng quy đổi điểm ở trên, mỗi dòng thể hiện một khoảng phân vị thứ i (VD: phân vị tốp 3%, tốp 5%, tốp 10%,...) với khoảng điểm tương ứng từ điểm Học bạ hoặc điểm V-SAT và điểm quy đổi sang điểm tốt nghiệp THPT. Các giá trị a_i , b_i , c_i và d_i là khác nhau đối với từng khoảng phân vị i .

- Đối với việc quy đổi điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM Trường căn cứ vào Công văn số 232/KT&ĐG-ĐGNL ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo, ĐHQG TP.HCM về việc thông tin Bảng bách phân vị điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM năm 2025.

- Các bảng quy đổi điểm theo mỗi phương thức cho từng môn học áp dụng cho năm 2025 sẽ được Trường công bố sau khi hoàn tất việc phân tích đối sánh điểm của các thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Đồng Tháp theo các phương thức năm 2025 (dự kiến công bố ngày 29 tháng 7 năm 2025).

2. VÍ DỤ MINH HỌA QUY ĐỔI ĐIỂM MÔN VĂN TỪ ĐIỂM HỌC BẠ HOẶC ĐIỂM V-SAT SANG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT

Ví dụ 1. Giả sử điểm học bạ môn Văn của thí sinh A là **9.0 điểm** và bảng quy đổi giả định như sau:

Khoảng	Tốp %	Điểm học bạ môn Văn (x) $a_i < x \leq b_i$	Điểm môn Văn quy đổi (y) sang điểm TN THPT $c_i < y \leq d_i$
1	3%	9.40 < x ≤ 10.0	9.00 < y ≤ 9.75
2	5%	9.30 < x ≤ 9.40	8.75 < y ≤ 9.00
3	10%	9.10 < x ≤ 9.30	8.50 < y ≤ 8.75
4	20%	8.80 < x ≤ 9.10	8.00 < y ≤ 8.50
5	30%	8.50 < x ≤ 8.80	7.95 < y ≤ 8.00
6	40%	8.30 < x ≤ 8.50	7.67 < y ≤ 7.95
7	50%	8.10 < x ≤ 8.30	7.50 < y ≤ 7.67
8	60%	7.90 < x ≤ 8.10	7.25 < y ≤ 7.50
9	70%	7.70 < x ≤ 7.90	7.00 < y ≤ 7.25
10	80%	7.40 < x ≤ 7.70	6.50 < y ≤ 7.00
11	90%	6.90 < x ≤ 7.40	6.00 < y ≤ 6.50
12	> 90%	3.30 < x ≤ 6.90	2.25 < y ≤ 6.00

Vì $x = 9.0$ nằm trong khoảng 4, thuộc tốp 20% có $8.8 < x \leq 9.1$ nên $a_4 = 8.8$; $b_4 = 9.1$; $c_4 = 8.0$; $d_4 = 8.5$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm môn Văn quy đổi sang điểm tốt nghiệp THPT là:

$$y = c_4 + \left(\frac{x - a_4}{b_4 - a_4} \right) \times (d_4 - c_4) = 8.0 + \left(\frac{9.0 - 8.8}{9.1 - 8.8} \right) \times (8.5 - 8.0) = 8.33$$

Vậy, nếu giả sử **điểm Học bạ môn Văn** của thí sinh là **Văn HB= 9.0 điểm** và bảng quy đổi điểm giả định như trên thì điểm môn **Văn HB** của thí sinh được quy đổi sang điểm thi tốt nghiệp THPT là **Văn HB_{QB} = 8.33 điểm**.

Ví dụ 2. Giả sử **điểm V-SAT môn Văn** của thí sinh là **120 điểm** và bảng quy đổi giả định như sau:

Khoảng	Tốp %	Điểm V-SAT môn Văn (x) $a_i < x \leq b_i$	Điểm môn Văn quy đổi (y) sang điểm TN THPT $c_i < y \leq d_i$
1	3%	$129.5 < x \leq 146$	$9.25 < y \leq 9.75$
2	5%	$127.5 < x \leq 129.5$	$9.0 < y \leq 9.25$
3	10%	$124 < x \leq 127.5$	9.0
4	20%	$119.5 < x \leq 124$	$8.75 < y \leq 9.0$
5	30%	$115.5 < x \leq 119.5$	$8.5 < y \leq 8.75$
6	40%	$112.5 < x \leq 115.5$	$8.25 < y \leq 8.5$
7	50%	$109 < x \leq 112.5$	$8 < y \leq 8.25$
8	60%	$106 < x \leq 109$	$7.75 < y \leq 8.0$
9	70%	$102 < x \leq 106$	$7.5 < y \leq 7.75$
10	80%	$97 < x \leq 102$	$7.25 < y \leq 7.5$
11	90%	$90 < x \leq 97$	$6.75 < y \leq 7.25$
12	> 90%	$5 < x \leq 90$	$3.5 < y \leq 6.75$

Do $x = 120$ nằm trong khoảng 4, thuộc tốp 20% có $119.5 < x \leq 124$ nên $a_4 = 119.5$; $b_4 = 124$; $c_1 = 8.75$; $d_1 = 9.0$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm quy đổi môn Văn sang điểm tốt nghiệp THPT là:

$$y = c_4 + \left(\frac{x - a_4}{b_4 - a_4} \right) \times (d_4 - c_4) = 8.75 + \left(\frac{120 - 119.5}{124 - 119.5} \right) \times (9.0 - 8.75) = 8.77$$

Vậy, nếu giả sử **điểm V-SAT môn Văn VS= 120 điểm** và bảng quy đổi điểm giả định như trên thì điểm **Văn VS** được quy đổi sang điểm thi tốt nghiệp THPT là **Văn VS_{QB} = 8.77 điểm.**